

Số: 308 /TB-ĐHSG

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 02 năm 2022

THÔNG BÁO
Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ khóa 22.1 năm 2022

Căn cứ Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 1839/QĐ-ĐHSG ngày 21/9/2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sài Gòn về việc ban hành Quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ;

Trường Đại học Sài Gòn thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ khóa 22.1 năm 2022 như sau:

I. CÁC CHUYÊN NGÀNH VÀ CHỈ TIÊU TUYỂN SINH

STT	Chuyên ngành	Mã số	Chỉ tiêu
1	Toán giải tích	9460102	08
2	Quản lý giáo dục	9140114	08
3	Hóa hữu cơ	9440114	06
4	Lịch sử Việt Nam	9229013	04
5	Quản trị kinh doanh	9340101	08

II. PHƯƠNG THỨC TUYỂN SINH VÀ THỜI GIAN ĐÀO TẠO

1. Phương thức tuyển sinh: xét tuyển.

Việc xét tuyển nghiên cứu sinh được thực hiện bằng cách đánh giá hồ sơ chuyên môn của người dự tuyển bằng các hoạt động:

- Thành viên tiểu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá hồ sơ của người dự tuyển thông qua hồ sơ dự tuyển theo thang điểm đánh giá do Trường Đại học Sài Gòn quy định;
- Người dự tuyển trình bày về vấn đề dự định nghiên cứu và kế hoạch học tập, nghiên cứu trước tiểu ban xét tuyển nghiên cứu sinh;
- Hội đồng tuyển sinh Nhà trường căn cứ vào hồ sơ của các tiểu ban và Quy chế

đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để ra quyết định công nhận nghiên cứu sinh.

2. Thời gian đào tạo: đào tạo theo hình thức chính quy 3 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng thạc sĩ; 4 năm đối với nghiên cứu sinh có bằng tốt nghiệp đại học.

III. ĐIỀU KIỆN VÀ HỒ SƠ ĐĂNG KÍ DỰ TUYỂN

1. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện sau:

– Đã tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tốt nghiệp đại học hạng giỏi trở lên ngành phù hợp (thuộc danh mục ngành phù hợp được quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông báo này), hoặc tốt nghiệp trình độ tương đương Bậc 7 theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam ở một số ngành đào tạo chuyên sâu đặc thù phù hợp với ngành đào tạo tiến sĩ.

– Có kinh nghiệm nghiên cứu thể hiện qua luận văn thạc sĩ của chương trình đào tạo định hướng nghiên cứu; hoặc bài báo, báo cáo khoa học đã công bố; hoặc có thời gian công tác từ 02 năm (24 tháng) trở lên là giảng viên, nghiên cứu viên của các cơ sở đào tạo, tổ chức khoa học và công nghệ.

– Có dự thảo đề cương nghiên cứu và dự kiến kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa.

– Được ít nhất một (01) nhà khoa học có tên trong danh sách do Trường Đại học Sài Gòn công bố (xem Phụ lục 2 kèm theo) đồng ý nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh (nếu người dự tuyển trúng tuyển). Trường hợp người dự tuyển đề nghị người hướng dẫn không có tên trong danh sách do Trường Đại học Sài Gòn công bố, người dự tuyển phải xin ý kiến của Nhà trường và được Hiệu trưởng chấp thuận trước khi nộp hồ sơ dự tuyển.

– Người dự tuyển là công dân Việt Nam phải đạt yêu cầu về năng lực ngoại ngữ được minh chứng bằng một trong những văn bằng, chứng chỉ sau:

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên do một cơ sở đào tạo nước ngoài, phân hiệu của cơ sở đào tạo nước ngoài ở Việt Nam hoặc cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp cho người học toàn thời gian bằng tiếng nước ngoài;

+ Bằng tốt nghiệp trình độ đại học ngành ngôn ngữ tiếng nước ngoài do các cơ sở đào tạo của Việt Nam cấp;

+ Có một trong các chứng chỉ ngoại ngữ quy định tại Phụ lục 3 của thông báo này hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ khác tương đương trình độ bậc 4 (theo khung năng lực

ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam) do Bộ Giáo dục và Đào tạo Việt Nam công bố.

– Người dự tuyển là công dân nước ngoài phải có chứng chỉ tiếng Việt tối thiểu từ bậc 4 trở lên theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài và phải đáp ứng yêu cầu về ngoại ngữ thứ hai kèm theo Phụ lục 3, trừ trường hợp là người bản ngữ của ngôn ngữ được sử dụng trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

– Lý lịch bản thân rõ ràng, không trong thời gian thi hành kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên và không trong thời gian thi hành án hình sự, được cơ quan quản lý nhân sự nơi đang làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận.

– Cam kết thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với quá trình đào tạo theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

– Nộp hồ sơ đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định của Trường Đại học Sài Gòn.

Ghi chú:

– Hội đồng tuyển sinh chấp nhận việc sử dụng Giấy chứng nhận tốt nghiệp đại học hoặc thạc sĩ tạm thời khi chưa được cấp bằng tốt nghiệp chính thức. Nếu trúng tuyển, người dự tuyển phải nộp bản sao văn bằng có chứng thực (kèm theo bản chính để đối chiếu).

– Các văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ và bảng điểm do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được dịch chứng thực sang tiếng Việt và nộp kèm theo văn bản công nhận văn bằng của Cục Quản lý chất lượng, Bộ Giáo dục và Đào tạo (xem thông tin về việc đăng ký công nhận văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp tại website: <http://naric.edu.vn/>).

2. Hồ sơ đăng kí dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển bao gồm:

- Đơn xin dự tuyển (theo mẫu);
- Lý lịch khoa học có xác nhận của thủ trưởng cơ quan công tác hoặc chính quyền địa phương nơi người dự tuyển cư trú (đối với người chưa có việc làm);
- Bản sao văn bằng tốt nghiệp đại học, thạc sĩ, bảng điểm, chứng chỉ ngoại ngữ có chứng thực và kèm theo bản chính để đối chiếu (khi nộp hồ sơ);
- Minh chứng nghiên cứu khoa học theo quy định (07 bản sao chụp các công trình khoa học, bao gồm: trang bìa, mục lục, các trang nội dung bài báo, báo cáo);
- Xác nhận hoặc minh chứng về thâm niên công tác (nếu có);

- Đề cương nghiên cứu (07 bản, theo mẫu);
- Kế hoạch học tập, nghiên cứu toàn khóa (07 bản, theo mẫu);
- Thư giới thiệu đánh giá phẩm chất nghề nghiệp, năng lực chuyên môn và khả năng thực hiện nghiên cứu của người dự tuyển của ít nhất 01 nhà khoa học có chức danh giáo sư, phó giáo sư hoặc có học vị tiến sĩ khoa học, tiến sĩ đã tham gia hoạt động chuyên môn với người dự tuyển và am hiểu lĩnh vực mà người dự tuyển dự định nghiên cứu (theo mẫu);
- Công văn cử đi dự tuyển của cơ quan quản lý trực tiếp theo quy định hiện hành về việc đào tạo và bồi dưỡng công chức, viên chức (nếu có);
- Giấy đồng ý nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh (nếu người dự tuyển trúng tuyển);
- Lí lịch khoa học của người đồng ý nhận hướng dẫn nghiên cứu sinh;
- Giấy khám sức khỏe (do bệnh viện đa khoa cấp không quá 6 tháng tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ);
- 04 ảnh màu 3x4 chụp không quá 03 tháng (ghi rõ họ tên, ngày tháng năm sinh);
- 04 phong bì có dán tem ghi rõ địa chỉ liên hệ của người dự tuyển vào nơi nhận.

IV. THỜI GIAN PHÁT HÀNH VÀ NHẬN HỒ SƠ

1. Phát hành và nhận hồ sơ đăng kí xét tuyển

- Thời hạn: đến hết ngày 31/05/2022;
- Địa điểm: Phòng Đào tạo Sau đại học (D003), Trường Đại học Sài Gòn (Hội đồng tuyển sinh không nhận hồ sơ qua đường bưu điện).

2. Lệ phí hồ sơ và xét tuyển

- Lệ phí hồ sơ: 200.000đ/1 hồ sơ.
- Lệ phí xét tuyển: 1.500.000đ/1 người dự tuyển.

V. THỜI GIAN XÉT TUYỂN

- Thời gian xét tuyển: dự kiến tháng 06 năm 2022 (thời gian xét tuyển cụ thể của từng chuyên ngành sẽ thông báo sau).
- Thời gian công bố kết quả: dự kiến tháng 07 năm 2022.
- Thời gian nhập học: dự kiến tháng 07 năm 2022.



** Để biết thêm thông tin chi tiết, vui lòng liên hệ:*

- Phòng Đào tạo Sau đại học (Phòng D003), Trường Đại học Sài Gòn;
- Số 273 An Dương Vương, Phường 3, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Điện thoại cố định: (028) 38.303.108;
- Điện thoại di động: 0903.630.540 hoặc 0903.052.420;
- Website: <http://dtsdh.sgu.edu.vn>.

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- Ban Giám hiệu;
- Các cơ quan, đơn vị có liên quan;
- Lưu: VP, ĐTSĐH, TH.(20).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Phạm Hoàng Quân

PHỤ LỤC 1

DANH MỤC NGÀNH PHÙ HỢP

(Kèm theo Thông báo số 308/TB-DHSG ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Sài Gòn)

1. Chuyên ngành Toán giải tích

Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ
Nhóm 1: - Toán học; - Sư phạm Toán học.	Nhóm 1: Toán giải tích
Nhóm 2: - Khoa học tính toán; - Toán ứng dụng; - Toán cơ; - Toán tin; - Thống kê.	Nhóm 2: - Toán học; - Phương trình vi phân và tích phân; - Đại số và lý thuyết số; - Hình học và Tôpô; - Lý thuyết xác suất và thống kê toán học; - Khoa học tính toán; - Cơ sở toán học cho tin học; - Toán ứng dụng; - Phương pháp toán sơ cấp; - Toán tin.

2. Chuyên ngành Quản lý giáo dục

Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ
Nhóm 1: Quản lý giáo dục.	Nhóm 1: Quản lý giáo dục.
Nhóm 2: - Giáo dục học; - Nhóm ngành Đào tạo giáo viên trung học, tiểu học, mầm non.	Nhóm 2: - Giáo dục học; - Đo lường và đánh giá trong giáo dục; - Giáo dục quốc tế và so sánh; - Giáo dục đặc biệt; - Lý luận và phương pháp dạy học; - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn.

22

3. Chuyên ngành Hóa hữu cơ

Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ
Nhóm 1: - Hóa học; - Sư phạm Hóa học.	Nhóm 1: Hóa hữu cơ.
Nhóm 2: - Vật lý nguyên tử và hạt nhân; - Khoa học vật liệu; - Khoa học môi trường; - Kỹ thuật hóa học; - Công nghệ kỹ thuật hóa học.	Nhóm 2: - Hóa học; - Hóa vô cơ; - Hóa phân tích; - Hóa lý thuyết và hóa lý; - Hóa môi trường; - Khoa học vật liệu; - Khoa học môi trường.

4. Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ
Nhóm 1: - Lịch sử; - Sư phạm Lịch sử.	Nhóm 1: Lịch sử Việt Nam.
Nhóm 2: - Lịch sử thế giới; - Quốc tế học; - Việt Nam học; - Văn hoá học; - Khảo cổ học; - Nhân học; - Đông phương học; - Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam; - Chính trị học; - Quản lí văn hoá; - Xã hội học; - Triết học.	Nhóm 2: - Lịch sử thế giới; - Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam; - Khảo cổ học; - Việt Nam học; - Đông phương học.

5. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ
Nhóm 1: Quản trị kinh doanh.	Nhóm 1: Quản trị kinh doanh.
Nhóm 2: - Kinh doanh: + Marketing; + Bất động sản; + Kinh doanh quốc tế; + Kinh doanh thương mại; + Thương mại điện tử; + Kinh doanh thời trang và dệt may. - Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm: + Tài chính – Ngân hàng; + Bảo hiểm. - Kế toán - Kiểm toán: + Kế toán; + Kiểm toán. - Quản trị - Quản lý: + Khoa học quản lý; + Quản lý công; + Quản trị nhân lực; + Hệ thống thông tin quản lý; + Quản trị văn phòng; + Quản lý khoa học và công nghệ; + Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. - Kinh tế học: + Kinh tế; + Kinh tế chính trị; + Kinh tế đầu tư; + Kinh tế phát triển; + Kinh tế quốc tế; + Thống kê kinh tế; + Toán kinh tế; + Quản lý kinh tế. - Quản lý công nghiệp:	Nhóm 2: - Kinh doanh: + Kinh doanh thương mại. - Tài chính - Ngân hàng - Bảo hiểm: + Tài chính – Ngân hàng; + Bảo hiểm. - Kế toán – Kiểm toán: + Kế toán. - Quản trị - Quản lý: + Khoa học quản lý; + Chính sách công; + Quản lý công; + Quản trị nhân lực; + Hệ thống thông tin quản lý; + Quản trị văn phòng; + Quản lý khoa học và công nghệ; + Quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp. - Kinh tế học: + Kinh tế học; + Kinh tế chính trị; + Kinh tế đầu tư; + Kinh tế phát triển; + Kinh tế quốc tế; + Thống kê kinh tế; + Toán kinh tế; + Quản lý kinh tế. - Quản lý công nghiệp:

Trình độ đại học	Trình độ thạc sĩ
+ Kinh tế quốc tế; + Thống kê kinh tế; + Toán kinh tế. - Quản lý công nghiệp: + Quản lý công nghiệp; + Kinh tế công nghiệp; + Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng. - Khách sạn, nhà hàng: + Quản trị khách sạn; + Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống. - Quản lý xây dựng: + Kinh tế xây dựng; + Quản lý xây dựng. - Quản lý Y tế: + Tổ chức và Quản lý y tế; + Quản lý bệnh viện.	+ Quản lý công nghiệp; + Logistics và quản lý chuỗi cung ứng. - Quản trị dịch vụ và du lịch lữ hành. - Quản lý xây dựng: + Kinh tế xây dựng; + Quản lý xây dựng. - Quản lý Y tế: + Quản lý Y tế; + Quản lý bệnh viện.

Ghi chú:

- Các ngành phù hợp khác đối với mỗi ngành đào tạo trình độ tiến sĩ, Hội đồng tuyển sinh sẽ xem xét cụ thể từng trường hợp khi người dự tuyển gửi hồ sơ.
- Các ngành phù hợp Nhóm 1 (trình độ đại học) và các ngành phù hợp Nhóm 2 phải học các học phần bổ sung kiến thức theo quy định.





PHỤ LỤC 2

HƯỚNG NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG VIÊN CƠ HỮU

(Kèm theo Thông báo số 308/TB-DHSG ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Trường Đại học Sài Gòn)

1. Chuyên ngành Toán giải tích

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1. PGS.TS. Phạm Hoàng Quân		
Toán giải tích	- Bài toán ngược; - Phương trình đạo hàm riêng; - Giải tích phi tuyến; - Giải tích bậc không nguyên.	2
2. PGS.TS. Lê Minh Triết		
Toán giải tích	- Bài toán ngược; - Phương trình đạo hàm riêng; - Giải tích phi tuyến; - Giải tích bậc không nguyên; - Bài toán sinh học.	4
3. PGS.TS. Kiều Phương Chi		
Toán giải tích	- Giải tích phức: nghiên cứu về lý thuyết tập lồi đa thức và các vấn đề liên quan; - Lý thuyết điểm bất động: nghiên cứu sự tồn tại điểm bất động của ánh xạ liên tục trên một số lớp không gian vectơ tôpô và ứng dụng.	2
4. PGS.TS. Tạ Quang Sơn		
Toán giải tích	- Giải tích lồi; - Giải tích không trơn; - Lý thuyết tối ưu.	3
5. PGS.TS. Võ Hoàng Hưng		
Toán giải tích	- Bài toán ngược; - Phương trình đạo hàm riêng; - Giải tích phi tuyến;	2

22

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
	- Giải tích bậc không nguyên; - Bài toán sinh học.	
6. TS. Nguyễn Thị Thanh Lan		
Toán giải tích	- Phương trình vi – tích phân.	3
7. TS. Thái Doãn Chương		
Toán giải tích	- Giải tích biến phân; - Giải tích đa trị; - Giải tích lồi; - Giải tích không trơn; - Lý thuyết tối ưu.	3

2. Chuyên ngành Quản lý giáo dục

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1. PGS.TS. My Giang Sơn		
Quản lý giáo dục	- Quản lý các hoạt động giáo dục, dạy học trong cơ sở giáo dục; - Quản trị trường đại học; - Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và quản lý giáo dục; - Quản lý sự thay đổi trong giáo dục, đào tạo; - Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục;	3
	- Phát triển chương trình đào tạo; - Lao động quản lý và hiệu quả lao động quản lý; - Xu hướng quản lý giáo dục trên thế giới và việc vận dụng vào Việt Nam.	
2. PGS.TS. Lê Khánh Tuấn		
Giáo dục học	- Quản trị trường đại học; - Quản lý hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường; - Dự báo về quy mô giáo dục, đội ngũ nhà giáo và	4

✓

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
	cán bộ quản lý giáo dục; - Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện; - Quản lý tài chính giáo dục; - Quản lý cơ sở vật chất – kỹ thuật trong giáo dục và đào tạo; - Đảm bảo chất lượng giáo dục; - Quản lý kinh tế trong giáo dục; - Quản lý giáo dục các cấp nhằm xây dựng xã hội học tập; - Xu hướng quản lý giáo dục trên thế giới và việc vận dụng vào Việt Nam.	
3. PGS.TS. Đỗ Đình Thái		
Đo lường và đánh giá trong giáo dục	- Đo lường, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục; - Văn hóa chất lượng trong cơ sở giáo dục; - Đảm bảo chất lượng giáo dục; - Thể chế, chính sách trong giáo dục và quản lý giáo dục; - Lao động quản lý và hiệu quả lao động quản lý.	3
4. TS. Trần Thế Lưu		
Quản lý giáo dục	- Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và quản lý giáo dục; - Tư tưởng Hồ Chí Minh trong giáo dục và quản lý giáo dục; - Quy hoạch phát triển giáo dục và đào tạo cấp tỉnh, cấp huyện; - Thực hiện dân chủ trong quản lý các cơ sở giáo dục; - Quản lý giáo dục các cấp nhằm xây dựng xã hội học tập.	3

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
5. TS. Lê Chi Lan		
Đo lường và đánh giá trong giáo dục	- Quản trị trường đại học; - Quản lý hoạt động xây dựng văn hóa nhà trường; - Quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục; - Quản lý cơ sở vật chất – kỹ thuật trong giáo dục và đào tạo; - Đo lường, kiểm tra và đánh giá trong giáo dục; - Văn hóa chất lượng trong cơ sở giáo dục; - Đảm bảo chất lượng giáo dục; - Thực hiện dân chủ trong quản lý các cơ sở giáo dục; - Quản lý giáo dục các cấp nhằm xây dựng xã hội học tập.	1
6. TS. Bùi Đức Tú		
Quản lý giáo dục	- Quản lý các hoạt động giáo dục, dạy học trong cơ sở giáo dục theo tiếp cận phẩm chất, năng lực người học; - Quản trị trường đại học; - Quản lý tài chính và cơ sở vật chất trong giáo dục; - Quản lý trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; - Quản lý đào tạo theo tiếp cận TQM và các tiếp cận hiện đại... hướng đến cách mạng công nghiệp 4.0.	2
7. TS. Cao Thị Thanh Xuân		
Quản lý giáo dục	- Quản lý các hoạt động giáo dục, dạy học trong cơ sở giáo dục; - Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và quản lý giáo dục; - Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục; - Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục;	1

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
	- Dự báo về quy mô giáo dục, đội ngũ nhà giáo và CBQLGD; - Phát triển chương trình đào tạo; - Quản lý giáo dục các cấp nhằm xây dựng xã hội học tập; - Quản lý đào tạo theo tiếp cận TQM... hướng đến cách mạng công nghiệp 4.0.	
8. TS. Trịnh Xuân Thu		
Lý luận dạy học	- Phát triển chương trình đào tạo; - Quản lý các hoạt động giáo dục, dạy học trong cơ sở giáo dục; - Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và quản lý giáo dục; - Quản lý sự thay đổi trong giáo dục, đào tạo; - Vận dụng các tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục; - Quản lý hoạt động đảm bảo chất lượng giáo dục; - Quản lý cơ sở vật chất - kỹ thuật trong giáo dục và đào tạo.	2
9. TS. Trương Việt Khánh Trang		
Quản lý giáo dục	- Quản lý các hoạt động giáo dục, dạy học trong cơ sở giáo dục; - Phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục và quản lý giáo dục; - Tạo động lực làm việc trong cơ sở giáo dục; - Phát triển chương trình đào tạo; - Quản lý giáo dục các cấp nhằm xây dựng xã hội học tập; - Thực hiện dân chủ trong quản lý các cơ sở giáo dục; - Lao động quản lý và hiệu quả lao động quản lý.	2

3. Chuyên ngành Hóa hữu cơ

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1. PGS.TS. Phạm Nguyễn Kim Tuyền		
Hóa hữu cơ	- Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của dược liệu (thực vật, nấm, địa y...); - Thiết kế thử nghiệm sinh học hợp chất hữu cơ; - Tổng hợp các hợp chất hữu cơ có hoạt tính sinh học.	3
2. PGS.TS. Võ Quang Mai		
Hóa học	- Tổng hợp vật liệu hữu cơ, chất xúc tác hữu cơ, vật liệu sinh học; - Chế tạo, biến tính vật liệu nano hữu cơ, vật liệu polymer, vật liệu composite hữu cơ, vật liệu MOFs và ứng dụng.	4
3. TS. Đỗ Thị Mỹ Liên		
Hóa hữu cơ	- Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của dược liệu (thực vật, nấm, địa y...); - Thiết kế thử nghiệm sinh học hợp chất hữu cơ; - Tổng hợp các hợp chất hữu cơ có hoạt tính sinh học.	0
4. TS. Nguyễn Hữu Trí		
Công nghệ hóa học	- Hóa hữu cơ tính toán; - Tổng hợp vật liệu hữu cơ, chất xúc tác hữu cơ.	3
5. TS. Nguyễn Thị Lan Hương		
Hóa hữu cơ	- Khảo sát thành phần hóa học và hoạt tính sinh học của dược liệu (thực vật, nấm, địa y...); - Tổng hợp các hợp chất hữu cơ có hoạt tính sinh học; - Tổng hợp vật liệu hữu cơ, chất xúc tác hữu cơ, vật liệu sinh học.	3
6. TS. Lê Công Nhân		
Hóa học	- Hóa hữu cơ tính toán.	3

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
7. TS. Đặng Xuân Dự		
Hóa lý thuyết và hóa lý	- Tổng hợp vật liệu hữu cơ, chất xúc tác hữu cơ, vật liệu sinh học; - Chế tạo, biến tính vật liệu nano hữu cơ, vật liệu polymer, vật liệu composite hữu cơ, vật liệu MOFs và ứng dụng.	3

4. Chuyên ngành Lịch sử Việt Nam

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1. PGS.TS. Nguyễn Đức Hòa		
Lịch sử Việt Nam	- Các vấn đề liên quan tới kinh tế, văn hóa, đổi mới; - Cảng, thương mại, đô thị hóa Nam Bộ trong lịch sử; - Các vấn đề liên quan tới Lịch sử quân sự, chiến tranh cách mạng, thực thể Quốc gia Việt Nam, Việt Nam Cộng hoà từ 1945 đến nay.	3
2. PGS.TS. Trần Thị Thái Hà		
Lịch sử Việt Nam	- Chế độ sở hữu ruộng đất và làng xã Việt Nam cổ trung đại; - Kinh tế hàng hoá và đô thị; quan hệ bang giao trong lịch sử Việt Nam thời trung đại; - Các vấn đề lịch sử - văn hoá, lịch sử địa phương.	4
3. PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân		
Lịch sử thế giới	- Quan hệ hợp tác giữa Việt Nam với các nước trên thế giới; - Chính sách đối ngoại của Việt Nam thời cận - hiện đại.	3

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
4. TS. Võ Văn Thật		
Lịch sử Việt Nam	- Các vấn đề về lịch sử Việt Nam cận hiện đại; - Quá trình vận động giải phóng dân tộc ở Việt Nam từ 1930 đến 1945.	2
5. TS. Phạm Phúc Vĩnh		
Lịch sử Việt Nam	- Các vấn đề về lịch sử Nam Bộ thời cận – hiện đại; - Lịch sử chiến tranh ở Việt Nam từ 1930 đến 1975; - Công cuộc đổi mới ở Việt Nam.	1
6. TS. Bùi Gia Khánh		
Lịch sử Việt Nam	- Các vấn đề lịch sử vương triều Nguyễn; - Chủ quyền biển đảo của Việt Nam trong lịch sử; - Một số vấn đề về tôn giáo, lịch sử và văn hóa tộc người ở Việt Nam; - Nhà nước và pháp luật trong lịch sử Việt Nam.	3
7. TS. Lê Tùng Lâm		
Lịch sử thế giới	- Quan hệ ngoại giao Việt Nam với các nước và khu vực từ 1945 – nay; - Các vấn đề liên quan đến chiến tranh Việt Nam (1945-1975).	2
8. TS. Đào Vĩnh Hợp		
Lịch sử Việt Nam	- Lịch sử vùng đất Nam Bộ thế kỷ XVII - XIX; - Lịch sử cộng đồng người Hoa ở Việt Nam và Đông Nam Á; - Lịch sử văn hoá Việt Nam, vấn đề bảo tồn, phát huy giá trị văn hoá truyền thống.	3

5. Chuyên ngành Quản trị kinh doanh

Chuyên ngành	Hướng nghiên cứu	Số NCS có thể tiếp nhận
1. PGS.TS. Trần Đình Phụng		
Kinh tế	- Quản trị tài chính; - Hành vi Khách hàng; - Trách nhiệm xã hội doanh nghiệp.	5
2. PGS.TS. Lý Hoàng Ánh		
Tài chính – Ngân hàng	- Quản trị tài chính; - Quản trị rủi ro tài chính.	4
3. TS. Nguyễn Phan Thu Hằng		
Kinh tế	- Quản trị nguồn nhân lực; - Hành vi tổ chức; - Hành vi khách hàng; - Quản trị kinh doanh quốc tế; - Quản trị chuỗi cung ứng.	2,5
4. TS. Lê Đình Nghi		
Quản trị kinh doanh	- Quản trị rủi ro; - Hành vi tổ chức; - Marketing; - Quản trị tài chính.	3
5. TS. Lê Mai Hải		
Kinh tế	- Marketing địa phương; - Quản trị dự án đầu tư; - Quản trị Nguồn nhân lực.	3
6. TS. Lê Nguyễn Bình Minh		
Quản trị kinh doanh	- Marketing; - Thương hiệu; - Thương mại điện tử.	3
7. TS. Lê Lan Hương		
Kinh tế	- Quản trị nguồn nhân lực; - Văn hóa doanh nghiệp.	3

2

PHỤ LỤC 3

DANH SÁCH MỘT SỐ CHỨNG CHỈ TIẾNG NƯỚC NGOÀI MINH CHỨNG CHO TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ CỦA NGƯỜI DỰ TUYỂN

(Kèm theo Thông báo số 308/TB-DHSG ngày 22 tháng 02 năm 2022
của Trường Đại học Sài Gòn)

STT	Ngôn ngữ	Bằng/Chứng chỉ/Chứng nhận	Trình độ/Thang điểm
1	Tiếng Anh	TOEFL iBT	Từ 46 trở lên
		IELTS	Từ 5.5 trở lên
		Cambridge Assessment English	B2 Frist/ B2 Business
			Vantage/Linguaskill
			Thang điểm từ 160 trở lên
2	Tiếng Pháp	CIEP/Alliance française diplomas	TCF từ 400 trở lên
			DELFB2 trở lên
			Diplômen de Langue
3	Tiếng Đức	Goethe-Institut	Goethe- Zertifikat B2 trở lên
		The German TestDaF language certificate	TestDaF level 4 (TDN 4) trở lên
4	Tiếng Trung Quốc	Chinese Hanyu Shuiping Kaoshi (HSK)	HSK level 4 trở lên
5	Tiếng Nhật	Japanese Language Proficiency Test (JLPT)	N3 trở lên
6	Tiếng Nga	ТРКИ - Тест по русскому языку как иностранному (TORFL - Test of Russian as a Foreign Language)	ТРКИ-2 trở lên
7	Các ngôn ngữ tiếng nước ngoài khác	Chứng chỉ đánh giá theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dung cho Việt Nam	Từ bậc 4 trở lên

(Chữ ký)

